

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2025

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi  
Ô Môn - Xà No, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2025

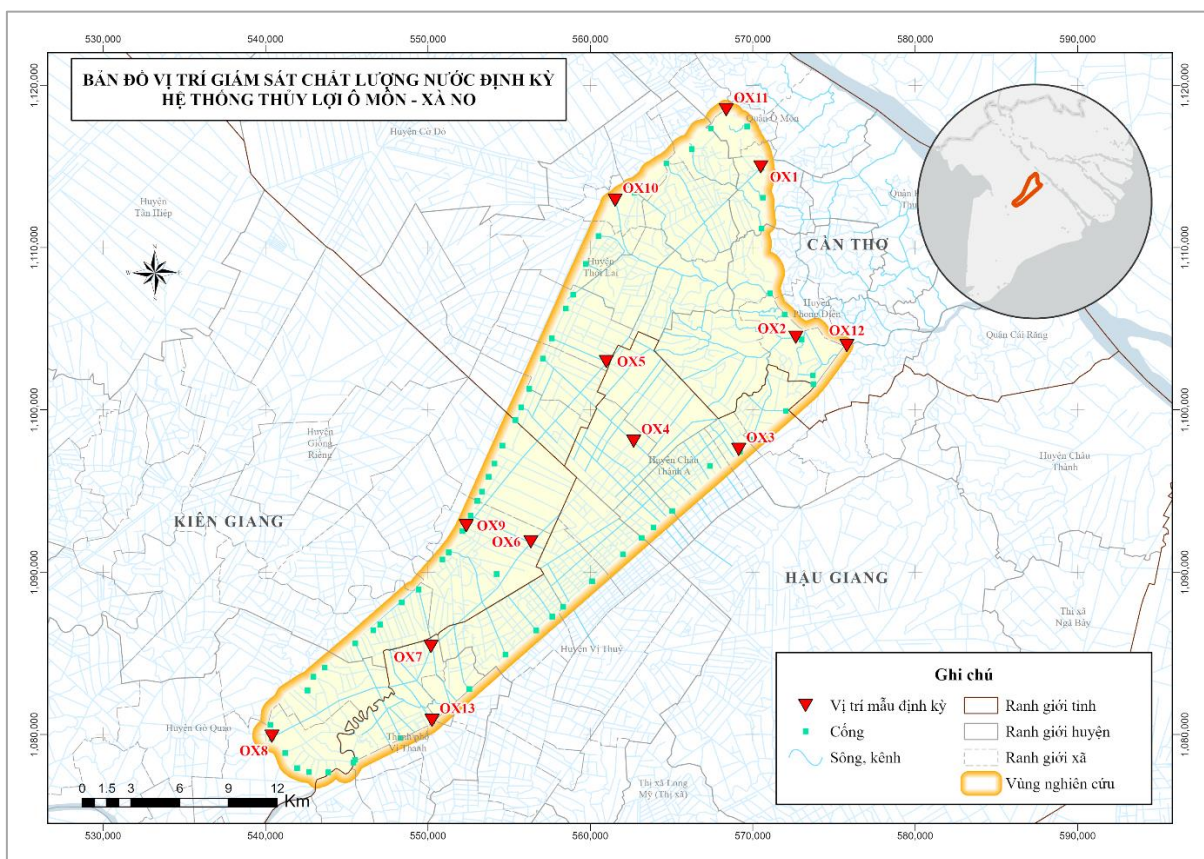
### BẢN TIN TUẦN 13

Đợt đo ngày 29/4/2025, dự báo từ 09/5 đến 15/5/2025

## I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 29/4/2025

### 1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trục quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

| TT | Ký hiệu | Vị trí điểm đo                                    | Tọa độ điểm quan trắc |           | Phường/<br>Xã     | Quận/<br>Huyện | Tỉnh/<br>Thành phố |
|----|---------|---------------------------------------------------|-----------------------|-----------|-------------------|----------------|--------------------|
|    |         |                                                   | X                     | Y         |                   |                |                    |
| 1  | OX1     | Cổng KH8-Đ                                        | 570.038               | 1.114.412 | Trường Lạc        | Ô Môn          | Cần Thơ            |
| 2  | OX2     | Cổng KH9-Đ                                        | 572.511               | 1.104.363 | Nhơn Ái           | Phong Điền     | Cần Thơ            |
| 3  | OX3     | Cổng Bà Đàm C                                     | 569.025               | 1.097.787 | Một Ngàn          | Châu Thành A   | Hậu Giang          |
| 4  | OX4     | Giao giữa kênh KH9 và 4000                        | 562.609               | 1.098.063 | Trường Long Tây   | Châu Thành A   | Hậu Giang          |
| 5  | OX5     | Kênh KH8 (gần kênh Tô Ma)                         | 561.066               | 1.102.877 | Trường Xuân       | Thới Lai       | Cần Thơ            |
| 6  | OX6     | Giao giữa kênh KH9 và 14000                       | 556.360               | 1.091.827 | Hòa Hưng          | Giồng Riềng    | Kiên Giang         |
| 7  | OX7     | Giao giữa kênh lộ 62 và KH9                       | 550.263               | 1.085.552 | Vị Tân            | Vị Thanh       | Hậu Giang          |
| 8  | OX8     | Cổng KH9-C                                        | 541.037               | 1.080.244 | Vĩnh Hòa Hưng Nam | Gò Quao        | Kiên Giang         |
| 9  | OX9     | Cổng KH8-C                                        | 552.403               | 1.092.846 | Hòa Hưng          | Giồng Riềng    | Kiên Giang         |
| 10 | OX10    | Cổng Xẻo Xào                                      | 561.676               | 1.112.424 | Thới Lai          | Thới Lai       | Cần Thơ            |
| 11 | OX11    | Cầu Ô Môn                                         | 568.242               | 1.118.461 | Châu Văn Liêm     | Ô Môn          | Cần Thơ            |
| 12 | OX12    | Ngã 3 sông Cần Thơ và kênh Xà No, bên đò Vàm Xáng | 575.794               | 1.103.901 | Nhơn Nghĩa        | Phong Điền     | Cần Thơ            |
| 13 | OX13    | Cầu Đoàn Kết, TP. Vị Thanh                        | 550.523               | 1.080.890 | Vị Tân            | Vị Thanh       | Hậu Giang          |

## 2. Kết quả tính toán chất lượng nước và khuyến cáo sử dụng nguồn nước

Bảng 2. Kết quả đo đặc chất lượng nước ngày 29/4/2025

| TT | Ký hiệu                             | pH   | Nhiệt độ | Độ mặn | TSS  | BOD <sub>5</sub> | COD  | DO   | Tổng N (TN) | Tổng P (TP) | Tổng Coliform | WQI | Khuyến cáo                                                                                                                                                                                                |
|----|-------------------------------------|------|----------|--------|------|------------------|------|------|-------------|-------------|---------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                     |      | °C       | g/L    | mg/L | mg/L             | mg/L | mg/L | mg/L        | mg/L        | MPN/100mL     |     |                                                                                                                                                                                                           |
| 1  | OX1<br>(Cổng KH8-Đ)                 | 6,65 | 29,70    | 0,20   | 43   | 2,34             | 6,02 | 5,94 | 0,52        | 0,148       | 900           | 98  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. |
| 2  | OX2<br>(Cổng KH9-Đ)                 | 6,75 | 29,10    | 0,20   | 61   | 2,09             | 6,59 | 6,12 | 0,20        | 0,14        | 2300          | 99  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. |
| 3  | OX3<br>(Cổng Bà Đàm C)              | 6,79 | 29,10    | 0,20   | 73   | 2,21             | 5,94 | 6,21 | 0,41        | 0,167       | 430           | 99  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.     |
| 4  | OX4<br>(Giao giữa kênh KH9 và 4000) | 6,80 | 29,20    | 0,20   | 90   | 2,71             | 5,86 | 6,20 | 0,49        | 0,171       | 230           | 99  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. |
| 5  | OX5<br>(Kênh KH8 -                  | 6,85 | 29,40    | 0,20   | 46   | 2,09             | 6,18 | 6,52 | 0,44        | 0,125       | 430           | 100 | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng                                                                                                                    |

| TT | Ký hiệu                              | pH   | Nhiệt độ | Độ mặn | TSS  | BOD <sub>5</sub> | COD  | DO   | Tổng N (TN) | Tổng P (TP) | Tổng Coliform | WQI | Khuyến cáo                                                                                                                                                                                                |
|----|--------------------------------------|------|----------|--------|------|------------------|------|------|-------------|-------------|---------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                      |      | °C       | g/L    | mg/L | mg/L             | mg/L | mg/L | mg/L        | mg/L        | MPN/100mL     |     |                                                                                                                                                                                                           |
|    | gần kênh Tô Ma)                      |      |          |        |      |                  |      |      |             |             |               |     | 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.                                                                                        |
| 6  | OX6<br>(Giao giữa kênh KH9 và 14000) | 6,58 | 29,10    | 0,20   | 41   | 2,18             | 6,83 | 6,16 | 0,85        | 0,148       | 150           | 99  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. |
| 7  | OX7<br>(Giao giữa kênh lộ 62 và KH9) | 6,43 | 29,00    | 0,20   | 52   | 2,18             | 6,91 | 5,97 | 0,88        | 0,152       | 93            | 98  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. |
| 8  | OX8<br>(Cổng KH9-C)                  | 6,33 | 29,60    | 0,20   | 18   | 2,15             | 7,15 | 5,93 | 0,80        | 0,071       | 21            | 98  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. |
| 9  | OX9<br>(Cổng KH8-C)                  | 6,61 | 29,30    | 0,20   | 73   | 2,21             | 6,67 | 6,23 | 0,89        | 0,186       | 430           | 99  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. |
| 10 | OX10<br>(Cổng Xẻo Xào)               | 6,77 | 29,50    | 0,10   | 59   | 2,06             | 6,51 | 5,87 | 0,66        | 0,171       | 3900          | 93  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang                                                                       |

| TT                                       | Ký hiệu                                                     | pH   | Nhiệt độ | Độ mặn | TSS   | BOD <sub>5</sub> | COD  | DO   | Tổng N (TN) | Tổng P (TP) | Tổng Coliform | WQI | Khuyến cáo                                                                                                                                                                                                |
|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------|----------|--------|-------|------------------|------|------|-------------|-------------|---------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                          |                                                             |      | °C       | g/L    | mg/L  | mg/L             | mg/L | mg/L | mg/L        | mg/L        | MPN/100mL     |     |                                                                                                                                                                                                           |
|                                          |                                                             |      |          |        |       |                  |      |      |             |             |               |     | ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.                                                                                                                                     |
| 11                                       | OX11<br>(Cầu Ô Môn)                                         | 6,88 | 29,30    | 0,10   | 38    | 2,48             | 6,18 | 6,10 | 0,47        | 0,156       | 210           | 99  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. |
| 12                                       | OX12<br>(Ngã 3 sông Cần Thơ và kênh Xà No, bến đò Vàm Xáng) | 6,73 | 29,20    | 0,20   | 89    | 2,34             | 7,71 | 6,03 | 0,40        | 0,175       | 930           | 98  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. |
| 13                                       | OX13<br>(Cầu Đoàn Kết, TP. Vị Thanh)                        | 6,61 | 29,10    | 0,20   | 38    | 2,21             | 6,43 | 5,91 | 0,36        | 0,14        | 700           | 98  | Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023 Bảng 2 mức B), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. |
| QCVN08:2023/<br>BTNMT<br>(Bảng 2, mức B) |                                                             |      |          |        | ≤ 100 | ≤ 6              | ≤ 15 | ≥ 5  | ≤ 1,5       | ≤ 0,3       | ≤ 5000        |     |                                                                                                                                                                                                           |

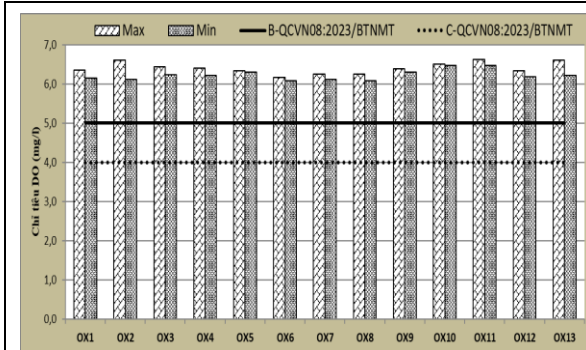
**Ghi chú:** Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

| <b>Giá trị WQI</b> | <b>Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)</b>                    |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 91 - 100           | Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt                                          |
| 76 - 90            | Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp            |
| 51 - 75            | Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác               |
| 26 - 50            | Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác                    |
| 10 - 25            | Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai |
| < 10               | Ô nhiễm rất nặng                                                         |

## II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 09/5-15/5/2025

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 09/5-15/5/2025 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

### 1. Chỉ tiêu DO



Hình 2. Giá trị DO dự báo

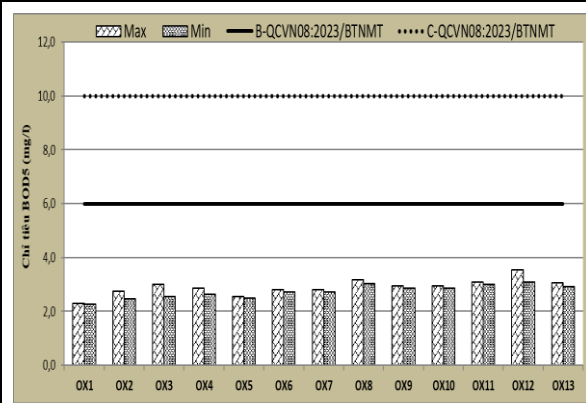
Dự báo trong 7 ngày tới giá trị DO nhỏ nhất biến đổi từ 6,07 mg/l đến 6,63 mg/l. Các trạm đều có giá trị DO nằm trên mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. Qua kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước DO đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 09/5-15/5/2025

Đơn vị: mg/l

| TT | Trạm | 09/5 | 10/5 | 11/5 | 12/5 | 13/5 | 14/5 | 15/5 |
|----|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1  | OX1  | 6,15 | 6,20 | 6,30 | 6,30 | 6,35 | 6,30 | 6,16 |
| 2  | OX2  | 6,14 | 6,12 | 6,34 | 6,52 | 6,60 | 6,56 | 6,55 |
| 3  | OX3  | 6,25 | 6,24 | 6,25 | 6,28 | 6,38 | 6,38 | 6,44 |
| 4  | OX4  | 6,26 | 6,21 | 6,22 | 6,29 | 6,34 | 6,39 | 6,41 |
| 5  | OX5  | 6,30 | 6,32 | 6,33 | 6,33 | 6,32 | 6,33 | 6,33 |
| 6  | OX6  | 6,08 | 6,07 | 6,09 | 6,15 | 6,17 | 6,17 | 6,16 |
| 7  | OX7  | 6,12 | 6,17 | 6,19 | 6,22 | 6,24 | 6,25 | 6,25 |
| 8  | OX8  | 6,07 | 6,09 | 6,20 | 6,16 | 6,18 | 6,25 | 6,23 |
| 9  | OX9  | 6,29 | 6,32 | 6,34 | 6,35 | 6,37 | 6,38 | 6,36 |
| 10 | OX10 | 6,46 | 6,47 | 6,47 | 6,47 | 6,48 | 6,48 | 6,50 |
| 11 | OX11 | 6,47 | 6,47 | 6,48 | 6,49 | 6,50 | 6,58 | 6,63 |
| 12 | OX12 | 6,20 | 6,19 | 6,29 | 6,29 | 6,30 | 6,34 | 6,28 |
| 13 | OX13 | 6,21 | 6,21 | 6,30 | 6,46 | 6,37 | 6,60 | 6,42 |

## 2. Chỉ tiêu BOD<sub>5</sub>



Hình 3. Giá trị BOD<sub>5</sub> dự báo

Dự báo trong 7 ngày tới giá trị BOD<sub>5</sub> lớn nhất biến đổi từ 2,26 mg/l đến 3,55 mg/l. Một số điểm có giá trị BOD<sub>5</sub> ở mức cao như OX3, OX8, OX11 và OX12. Tuy nhiên nhìn chung giá trị BOD<sub>5</sub> trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

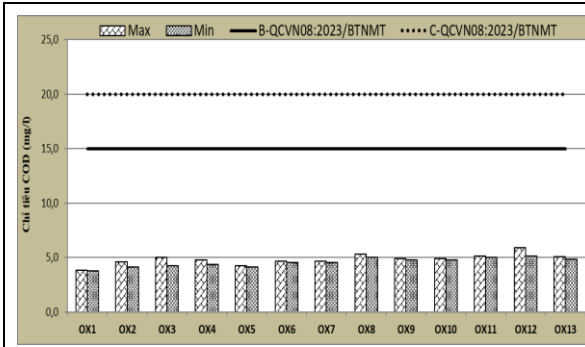
Qua kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước BOD<sub>5</sub> trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 4. Kết quả dự báo thông số BOD<sub>5</sub> các trạm từ ngày 09/5-15/5/2025

Đơn vị: mg/l

| TT | Trạm | 09/5 | 10/5 | 11/5 | 12/5 | 13/5 | 14/5 | 15/5 |
|----|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1  | OX1  | 2,26 | 2,29 | 2,29 | 2,28 | 2,28 | 2,29 | 2,30 |
| 2  | OX2  | 2,56 | 2,49 | 2,47 | 2,50 | 2,61 | 2,69 | 2,75 |
| 3  | OX3  | 2,92 | 2,92 | 2,56 | 2,63 | 2,73 | 2,58 | 3,00 |
| 4  | OX4  | 2,63 | 2,64 | 2,63 | 2,65 | 2,67 | 2,72 | 2,86 |
| 5  | OX5  | 2,49 | 2,52 | 2,53 | 2,53 | 2,54 | 2,55 | 2,56 |
| 6  | OX6  | 2,71 | 2,80 | 2,81 | 2,77 | 2,78 | 2,79 | 2,80 |
| 7  | OX7  | 2,72 | 2,76 | 2,76 | 2,76 | 2,79 | 2,78 | 2,81 |
| 8  | OX8  | 3,17 | 3,02 | 3,03 | 3,12 | 3,15 | 3,18 | 3,17 |
| 9  | OX9  | 2,86 | 2,87 | 2,88 | 2,90 | 2,91 | 2,93 | 2,94 |
| 10 | OX10 | 2,87 | 2,86 | 2,87 | 2,88 | 2,90 | 2,91 | 2,93 |
| 11 | OX11 | 3,08 | 3,06 | 3,03 | 3,00 | 3,05 | 3,07 | 3,07 |
| 12 | OX12 | 3,08 | 3,18 | 3,11 | 3,23 | 3,42 | 3,55 | 3,20 |
| 13 | OX13 | 3,05 | 2,98 | 2,91 | 2,91 | 2,90 | 2,94 | 2,91 |

### 3. Chỉ tiêu COD



Hình 4. Giá trị COD dự báo

Tương đồng với xu thế BOD5, dự báo trong 7 ngày tới giá trị COD lớn nhất biến đổi từ 3,96 mg/l đến 5,35 mg/l. Một số khu vực có giá trị COD cao như OX3, OX8, OX11 và OX12. Tuy nhiên, nhìn chung giá trị COD trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

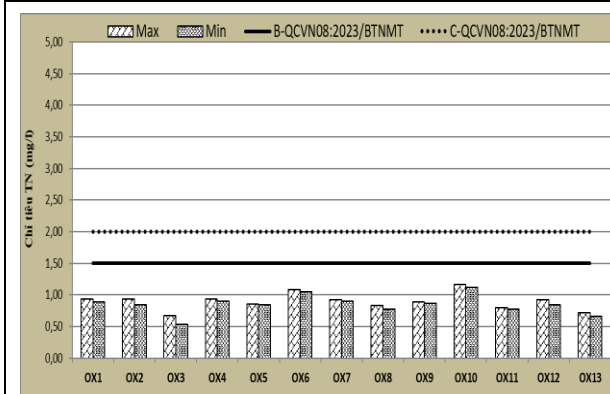
Qua kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước COD trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 09/5-15/5/2025

Đơn vị: mg/l

| TT | Trạm | 09/5 | 10/5 | 11/5 | 12/5 | 13/5 | 14/5 | 15/5 |
|----|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1  | OX1  | 3,77 | 3,81 | 3,81 | 3,80 | 3,80 | 3,81 | 3,83 |
| 2  | OX2  | 4,26 | 4,15 | 4,11 | 4,16 | 4,35 | 4,48 | 4,58 |
| 3  | OX3  | 4,87 | 4,86 | 4,26 | 4,38 | 4,56 | 4,29 | 5,00 |
| 4  | OX4  | 4,39 | 4,40 | 4,38 | 4,41 | 4,44 | 4,53 | 4,77 |
| 5  | OX5  | 4,16 | 4,21 | 4,22 | 4,22 | 4,23 | 4,24 | 4,26 |
| 6  | OX6  | 4,52 | 4,66 | 4,69 | 4,61 | 4,63 | 4,66 | 4,67 |
| 7  | OX7  | 4,53 | 4,60 | 4,61 | 4,60 | 4,65 | 4,64 | 4,68 |
| 8  | OX8  | 5,28 | 5,04 | 5,06 | 5,20 | 5,25 | 5,30 | 5,28 |
| 9  | OX9  | 4,76 | 4,79 | 4,81 | 4,83 | 4,85 | 4,88 | 4,90 |
| 10 | OX10 | 4,79 | 4,77 | 4,78 | 4,80 | 4,83 | 4,86 | 4,88 |
| 11 | OX11 | 5,13 | 5,10 | 5,05 | 5,00 | 5,08 | 5,12 | 5,12 |
| 12 | OX12 | 5,13 | 5,30 | 5,19 | 5,38 | 5,70 | 5,92 | 5,33 |
| 13 | OX13 | 5,09 | 4,96 | 4,85 | 4,85 | 4,84 | 4,90 | 4,85 |

#### 4. Chỉ tiêu tổng Nito - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

Dự báo trong 7 ngày tới giá trị TN lớn nhất biến đổi từ 0,66 đến 1,33 mg/l. Một số khu vực có giá trị TN cao như OX1, OX2, OX4, OX6, OX10 và OX12. Tuy nhiên, nhìn chung giá trị TN trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

Qua kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước TN trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 6. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 09/5-15/5/2025

Đơn vị: mg/l

| TT | Trạm | 09/5 | 10/5 | 11/5 | 12/5 | 13/5 | 14/5 | 15/5 |
|----|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1  | OX1  | 0,89 | 0,90 | 0,91 | 0,92 | 0,92 | 0,93 | 0,92 |
| 2  | OX2  | 0,87 | 0,85 | 0,85 | 0,85 | 0,89 | 0,91 | 0,93 |
| 3  | OX3  | 0,65 | 0,65 | 0,55 | 0,54 | 0,59 | 0,54 | 0,67 |
| 4  | OX4  | 0,90 | 0,90 | 0,90 | 0,90 | 0,91 | 0,92 | 0,94 |
| 5  | OX5  | 0,84 | 0,84 | 0,84 | 0,84 | 0,85 | 0,85 | 0,85 |
| 6  | OX6  | 1,05 | 1,07 | 1,07 | 1,07 | 1,08 | 1,07 | 1,06 |
| 7  | OX7  | 0,90 | 0,91 | 0,91 | 0,91 | 0,92 | 0,92 | 0,93 |
| 8  | OX8  | 0,83 | 0,78 | 0,79 | 0,80 | 0,80 | 0,82 | 0,82 |
| 9  | OX9  | 0,86 | 0,87 | 0,87 | 0,88 | 0,88 | 0,89 | 0,89 |
| 10 | OX10 | 1,11 | 1,11 | 1,14 | 1,16 | 1,15 | 1,15 | 1,17 |
| 11 | OX11 | 0,80 | 0,80 | 0,78 | 0,77 | 0,79 | 0,80 | 0,80 |
| 12 | OX12 | 0,88 | 0,89 | 0,87 | 0,84 | 0,87 | 0,88 | 0,92 |
| 13 | OX13 | 0,71 | 0,71 | 0,68 | 0,69 | 0,66 | 0,72 | 0,70 |

### III. Kết luận, kiến nghị

Kết quả phân tích đợt 07 - ngày 29/04/2025 cho thấy nguồn nước trong HTTL Ô Môn – Xà No có chỉ số WQI rất tốt, đáp ứng cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các vị trí OX1, OX6, OX9 và OX13 có hàm lượng tổng nitơ cao hơn giới hạn cho phép theo mức B – Bảng 2 trong QCVN08:2023/BTNMT, nguyên nhân có thể là do việc sử dụng các loại phân bón quá nhiều ảnh hưởng đến nguồn nước.

Theo kết quả dự báo các chỉ số DO, BOD<sub>5</sub>, COD, TN tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi Ô Môn – Xà No từ ngày 09/5-15/5/2025, so sánh với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT cho thấy nguồn nước đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay đã bước vào thời kỳ đầu mùa mưa, mưa mới chỉ xuất hiện rải rác một số nơi trên vùng ĐBSCL. Mức nước, lưu lượng đầu nguồn sông Cửu Long dự báo tuy có xu thế tăng nhẹ trở lại nhưng vẫn ở mức thấp. Mức nước, lưu lượng trên các sông kênh rạch vùng Ô Môn – Xà No dự báo vẫn ở mức thấp sẽ có nguy cơ gây ra ô nhiễm do tồn đọng chất thải trên các sông kênh đặc biệt là các khu vực đông dân cư, vùng giáp nước và khu vực bên trong nội đồng. Kiến nghị các địa phương thường xuyên theo dõi cập nhật dự báo về nguồn nước và chất lượng nước liên quan đến HTTL Ô Môn – Xà No để kịp thời có biện pháp xử lý phù hợp, đảm bảo chất lượng nguồn nước cho sản xuất.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang, TP. Cần Thơ;
- Chi cục TL&MT Hậu Giang, Chi cục TL tỉnh Kiên Giang và TP. Cần Thơ;
- Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện/TP thuộc tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang, TP. Cần Thơ;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

**KT. VIỆN TRƯỞNG**

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



*Phạm Văn Mạnh*